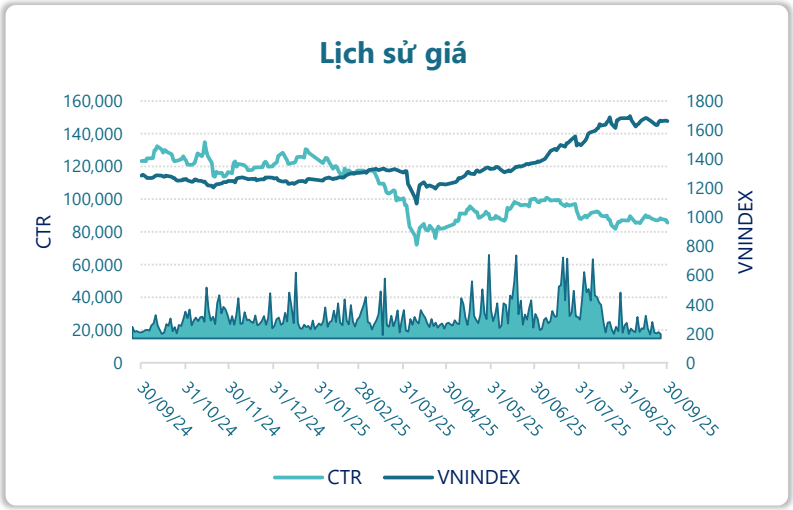
FireAnt

Tổng CTCP Công trình Viettel (HSX: CTR)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**85,700**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	134,880
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	72,125
SL cổ phiếu LH	114,385,879
KLGD BQ 20 phiên (CP)	344,410
% sở hữu nước ngoài	5.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	9,803
P/E	16.6
EPS	5,172

DT thuần

Q3/25

3,965

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 729| 22.5%

YoY: ▲ 489| 14.1%

LN sau thuế

Q3/25

169

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 24.0| 16.5%

YoY: ▲ 23.0| 15.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

5.9%

+/- YoY: ▲ 0.3%

DT thuần

9T 2025

9,940

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 832| 9.1%

LN sau thuế

9T 2025

436

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 48.0| 12.5%

ROE

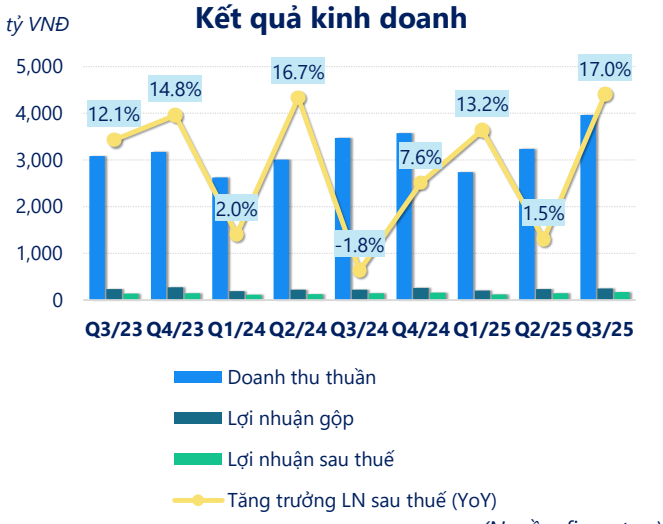
Q3/25

30.7%

+/- YoY: ▲ 0.5%

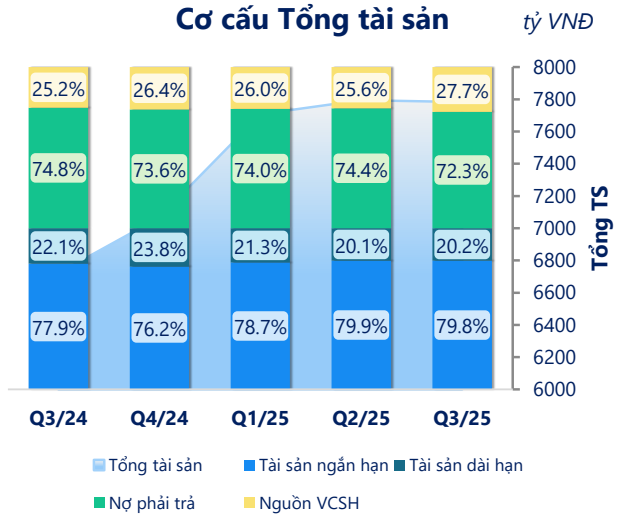
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



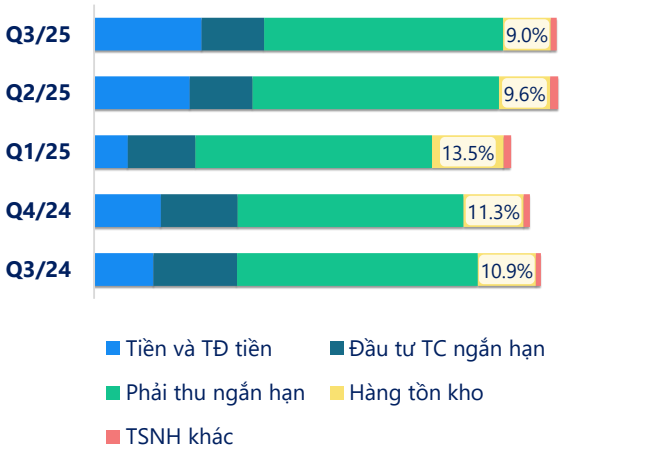
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



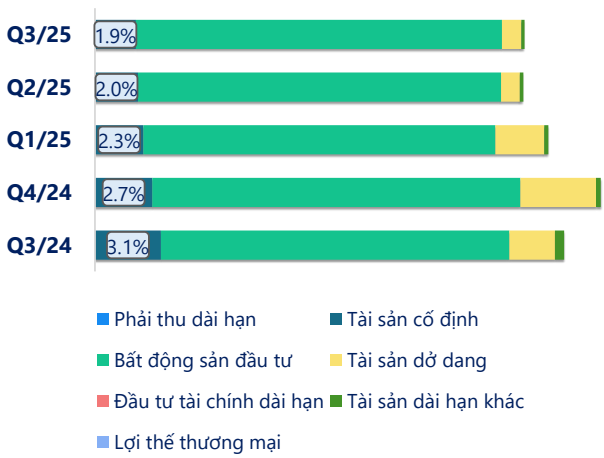
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



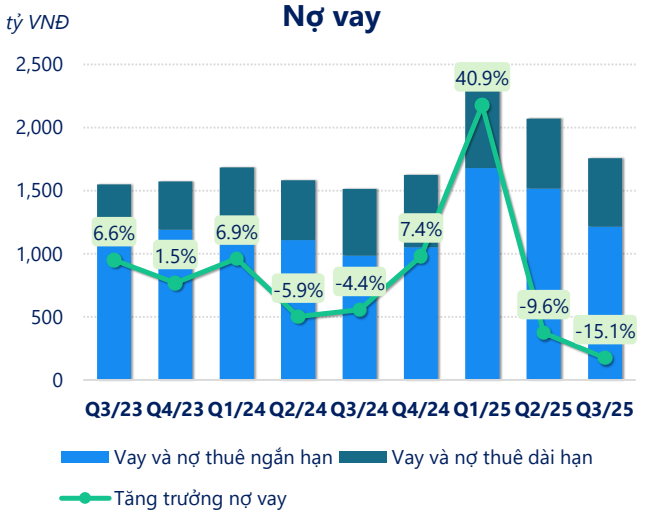
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



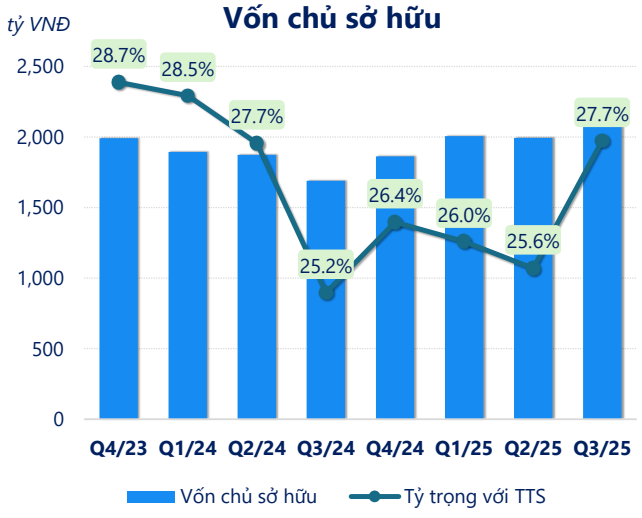
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



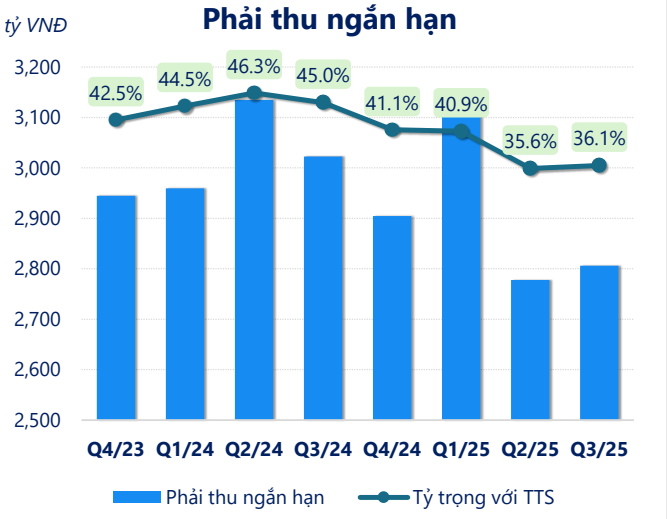
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



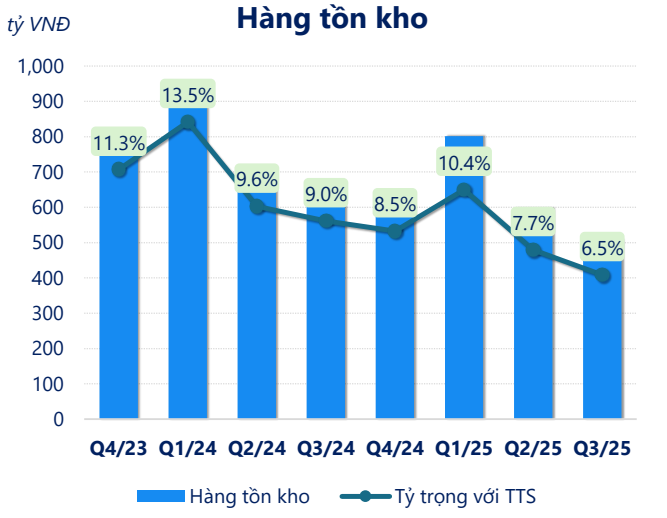
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



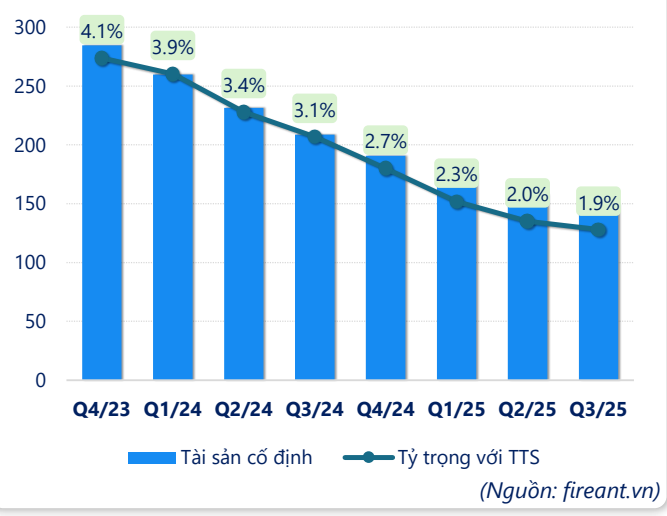
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



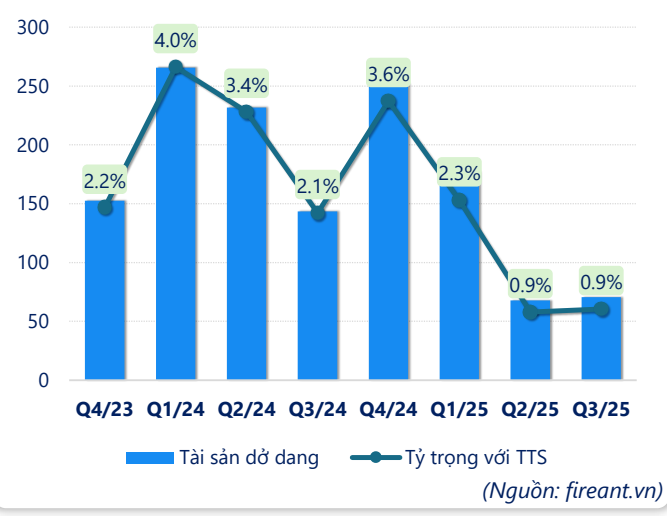
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



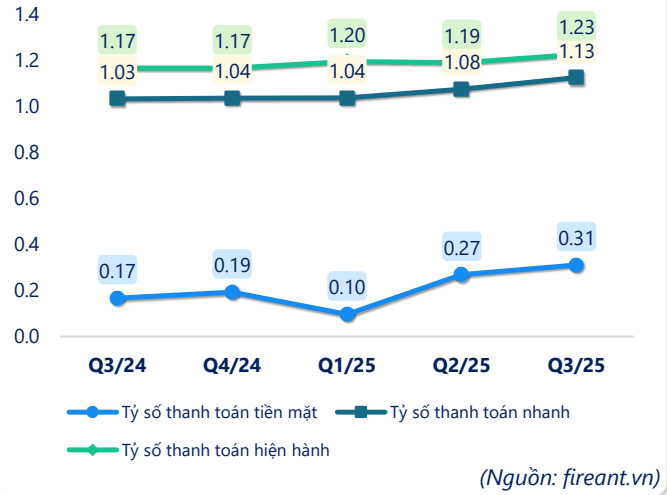
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



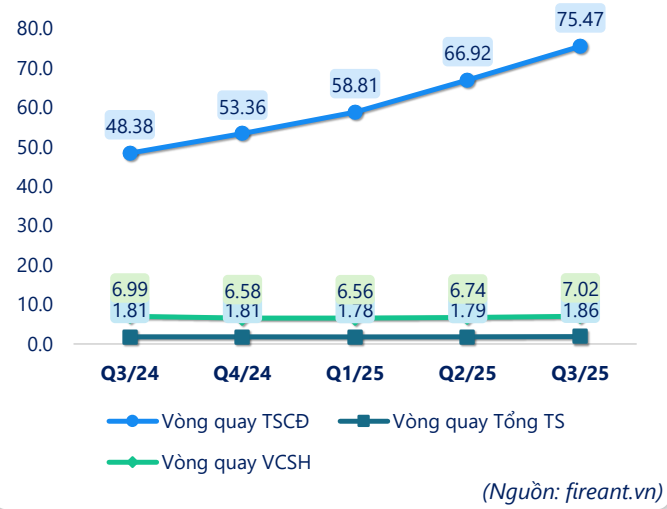
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**6,721**	**7,067**	**7,708**	**7,794**	**7,783**
Tài sản ngắn hạn	**5,239**	**5,387**	**6,065**	**6,225**	**6,211**
Tiền và tương đương tiền	751	888	489	1,404	1,575
Đầu tư tài chính ngắn hạn	788	854	1,496	1,310	1,199
Phải thu ngắn hạn	3,023	2,905	3,154	2,778	2,806
Hàng tồn kho	603	602	802	598	509
Tài sản ngắn hạn khác	73.8	139	125	135	122
Tài sản dài hạn	**1,482**	**1,680**	**1,643**	**1,570**	**1,572**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	209	191	176	158	150
Bất động sản đầu tư	1,101	1,223	1,276	1,331	1,340
Tài sản dở dang	143	252	177	67.7	70.7
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	28.8	15.1	14.4	13.4	11.8
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**5,031**	**5,205**	**5,702**	**5,801**	**5,624**
Nợ ngắn hạn	**4,488**	**4,617**	**5,075**	**5,231**	**5,064**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	985	1,052	1,679	1,516	1,213
Phải trả người bán ngắn hạn	614	610	445	386	502
Nợ dài hạn	543	588	627	570	560
Vay và nợ thuê dài hạn	528	573	611	555	544
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,691**	**1,862**	**2,006**	**1,993**	**2,159**
Vốn chủ sở hữu	**1,691**	**1,862**	**2,006**	**1,993**	**2,159**
Vốn điều lệ	1,144	1,144	1,144	1,144	1,144
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)